

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN CẦN GIỜ**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LONG HÒA****THÔNG BÁO**

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	588	156	149	144	139
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	469 79.76	136 87.17	107 71.81	112 77.78	114 82.01
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	87 14.79	16 10.26	31 20.81	26 18.06	14 10.07
3	Trung bình –Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	32 5.44	04 2.56	11 7.38	06 4.17	11 7.91
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	01 0.16	00	00	00	01 0.71
II	Số học sinh chia theo học lực	588	156	149	144	139
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	158 26.87	39 25	27 18.12	46 31.94	46 33.09
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	258 43.87	67 42.95	69 46.31	53 36.81	69 49.64
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	153 26.02	44 28.21	45 30.2	40 27.78	24 17.27
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	19 3.23	6 3.85	8 5.37	5 3.47	0 00
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 00			0 00	
III	Công tác duy trì sĩ số					

1	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	00/01	00/0	00/00	00/00	00/01
2	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	08	01	03	03	01
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	18	6	3	3	6
2	Cấp tỉnh/thành phố	00		01		00
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

Cần Giờ, ngày 13 tháng 06 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Kim Loan

